

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 4740 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số
cơ sở giáo dục đại học**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030";

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học" (sau đây gọi chung là Bộ chỉ số), gồm các nội dung sau:

1. Mục đích

- Thúc đẩy chuyển đổi số ở các cơ sở giáo dục đại học.
- Theo dõi đánh giá khách quan, thực chất, công bằng kết quả chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học.
- Phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Bộ chỉ số này được áp dụng cho các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Nguyên tắc xây dựng Bộ chỉ số

- Bộ chỉ số bám sát yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" được Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt kèm theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022, các quy định liên quan về chuyển đổi số của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Bộ chỉ số phù hợp điều kiện thực tế các cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm đánh giá thực chất, khách quan, minh bạch, công bằng.
- Bộ chỉ số có tính mở, cập nhật phù hợp với tình hình thực tế theo từng năm học.
- Có tính thực tiễn, khả thi trong áp dụng.

4. Cấu trúc Bộ chỉ số

Cấu trúc của Bộ chỉ số gồm 02 nhóm tiêu chí thành phần như sau:

- Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong đào tạo”.
- Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục đại học”.

Chi tiết Bộ chỉ số tại Phụ lục kèm theo.

5. Mức độ chuyển đổi số

a) Mức độ chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học được đánh giá theo từng nhóm tiêu chí thành phần, thang điểm 100, gồm 03 mức độ:

- Mức chưa đáp ứng: Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí dưới 50. Ở mức này, cơ sở giáo dục đại học chưa đáp ứng các yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.
- Mức đáp ứng cơ bản: Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí từ 50 đến 75. Ở mức này, các cơ sở giáo dục đại học đã đáp ứng yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.
- Mức đáp ứng tốt: Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí trên 75. Ở mức này, các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản và một số yêu cầu nâng cao về triển khai chuyển đổi số.

b) Việc xác định mức độ chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học được tổ chức đánh giá mức độ theo Bộ chỉ số kèm theo Quyết định này.

6. Quy trình tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số

a) Cơ sở giáo dục đại học tự đánh giá

- Hàng năm cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số (có thể lồng ghép vào kế hoạch chung ứng dụng công nghệ thông tin của cơ sở giáo dục đại học), phân công và giao trách nhiệm thực hiện cụ thể.
- Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học phê duyệt kết quả tự đánh giá, cập nhật kết quả đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

b) Đánh giá ngoài và công nhận kết quả

Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Công nghệ thông tin chủ trì) tổ chức kiểm tra,

đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục đại học; công bố kết quả đánh giá trên Cổng thông tin điện tử.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Cục Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Vụ Giáo dục Đại học hướng dẫn thực hiện Quyết định này; tổng hợp, công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục đại học.

b) Thanh tra chủ trì, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin tổ chức giám sát, kiểm tra kết quả đánh giá theo Bộ chỉ số này tại các cơ sở giáo dục đại học (nếu có).

7.2. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học

a) Tổ chức triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết định này; chịu trách nhiệm cập nhật báo cáo và minh chứng đầy đủ, chính xác, kịp thời lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

b) Công bố kết quả đánh giá trên Cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục CNTT(3b).

[Signature]

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



[Signature]
Hàng Minh Sơn

**PHỤ LỤC: BỘ CHỈ SỐ, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số ~~440~~ /QĐ-BGDDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong đào tạo	100			
1.1.	Có ban hành kế hoạch đào tạo trực tuyến				Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế đào tạo trực tuyến				Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm đào tạo trực tuyến: - Có triển khai đào tạo trực tuyến trực tiếp (qua phần mềm như Microsoft Teams, Zoom, Google Meet, phần mềm tương đương khác). - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Người học có thể tự học tập, tự đánh giá, nắm bắt được tiến trình, kết quả học tập của bản thân; (2) Cơ sở giáo dục đại học quản lý điểm, tiến trình học tập của người học và các hoạt động của giảng viên, cố vấn học tập trên hệ thống;	20	Tối đa 4 điểm. Tối đa 16 điểm, mỗi chức năng triển khai được tối đa 4 điểm.	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Đường link, thông tin về giải pháp



STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	(3) Cung cấp diễn đàn trao đổi và các công cụ hỗ trợ khác để người học có thể trao đổi với giảng viên và các phòng ban của cơ sở giáo dục đại học; (4) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên.				
1.4.	Số lượng khóa học trực tuyến (đầy đủ thành phần nội dung và hoạt động đào tạo từ đăng ký vào học cho đến hoàn thành một học phần cụ thể) đã được thẩm định và đưa vào đào tạo.	20	- Ít hơn 20 khóa học: tối đa 6 điểm. - Ít hơn 50 khóa học: tối đa 12 điểm. - Có nhiều hơn 50 khóa học: tối đa 20 điểm.	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Đường link và số lượng học liệu
1.5.	Triển khai hệ thống thư viện điện tử/thư viện số đáp ứng: (1) Số lượng ấn phẩm số đang cung cấp đáp ứng các học phần đào tạo; (2) Số lượng các cơ sở dữ liệu tạp chí chuyên ngành có kết nối và cung cấp truy cập cho sinh viên; (3) Ban hành quy chế quản lý, sử dụng; (4) Số lượng sinh viên thường xuyên sử dụng; (5) Cung cấp chức năng mượn - trả trực tuyến.	20	Tối đa 20 điểm, đáp ứng mỗi yêu cầu được tối đa 5 điểm.	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Đường link, văn bản ban hành, số liệu
1.6.	Triển khai chuyển đổi số công tác khảo thí: - Tổ chức thi, kiểm tra trên máy tính (trên phòng máy tính nối mạng LAN); ban hành quy chế thi.	20	Tối đa 14 điểm.	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm	Tên giải pháp, quy chế /kế hoạch



STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	kiểm tra trên máy tính; tỷ lệ môn học/học phần được tổ chức thi, kiểm tra trên máy tính.			Mức độ 3: trên 14 điểm	/văn bản triển khai, số liệu
	- Phần mềm tổ chức thi, kiểm tra trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.		Tối đa 6 điểm.		
1.7.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giảng viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học.	10	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 3 điểm; >60%: tối đa 5 điểm.	Mức độ 1: dưới 5 điểm Mức độ 2: từ 5-8 điểm	Số liệu
	- Tỷ lệ giảng viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử.		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 3 điểm; >60%: tối đa 5 điểm.	Mức độ 3: trên 8 điểm	
1.8.	Hệ thống hỗ trợ đào tạo trực tuyến: - Có studio phục vụ sản xuất học liệu (studio bao gồm phòng chuyên biệt được lắp đặt các phần mềm và thiết bị CNTT dùng cho việc xây dựng, biên tập và xuất bản học liệu điện tử): (1) Hệ thống studio được vận hành thường xuyên; (2) số lượng học liệu tự sản xuất có chất lượng; (3) giảng viên được sử dụng studio để xây dựng học liệu.	10	Tối đa 6 điểm, đáp ứng mỗi yêu cầu được tối đa 2 điểm.	Mức độ 1: dưới 5 điểm Mức độ 2: từ 5-8 điểm Mức độ 3: trên 8 điểm	Thông tin về studio, số liệu học liệu tự sản xuất, thông tin hệ thống phòng lab, phòng CNTT đa chức năng
	- Hệ thống phòng lab, phòng CNTT đa chức năng.		Tối đa 4 điểm.		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục đại học	100			
2.1.	Cơ sở giáo dục đại học thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (Thông tin: Họ tên, chức vụ, phòng/ban/khoa, email, điện thoại).				Điều kiện bắt buộc
2.2.	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.				Điều kiện bắt buộc
2.3.	Ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin; quy chế quản lý, vận hành, sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin trong cơ sở giáo dục đại học.				Điều kiện bắt buộc
2.4.	Có triển khai phần mềm quản trị cơ sở giáo dục đại học (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):	50	Tối đa 15 điểm.	Mức độ 1: dưới 30 điểm Mức độ 2: từ 30-40 điểm Mức độ 3: trên 40 điểm	Đường link, quy chế/ văn bản hướng dẫn, số liệu
	- Có triển khai phân hệ quản lý đào tạo (tuyển sinh, đào tạo, cấp bằng).		Tối đa 5 điểm.		
	- Có triển khai phân hệ quản lý nhân sự		Tối đa 5 điểm.		
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất, tài sản.		Tối đa 5 điểm.		
	- Có triển khai phân hệ quản lý tài chính.		Tối đa 5 điểm.		
	- Có triển khai phân hệ quản lý nghiên cứu khoa học.		Tối đa 5 điểm.		
	- Có triển khai văn phòng điện tử (văn bản điện tử, hồ sơ công việc, chữ ký số,...).		Tối đa 5 điểm.		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	- Tuân thủ quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục đại học; kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu giáo dục đại học HEMIS (do Bộ quản lý).		Tối đa 10 điểm.		
2.5.	Triển khai các dịch vụ trực tuyến: - Có Cổng thông tin điện tử đáp ứng cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định (Thông tư số 15/2018/TT-BGDĐT ngày 27/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng sư phạm).	30	Tối đa 4 điểm.		Tên giải pháp, đường link, quy chế/văn bản, số liệu
	- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa sinh viên và nhà trường (Thông tin: Qua OTT - Over The Top).		Tối đa 4 điểm.	Mức độ 1: dưới 15 điểm Mức độ 2: từ 15-24 điểm	
	- Có triển khai các dịch vụ phục vụ người học (Tuyển sinh online, đăng ký học tín chỉ, đăng ký và báo cáo kết quả thực tập, tra cứu thông tin và kết quả học tập, các dịch vụ liên quan đến xác nhận của cơ sở giáo dục đại học, đóng học phí, dịch vụ liên quan đến thư viện, dịch vụ liên quan đến ký túc xá, văn bằng chứng chỉ, sinh viên sau tốt nghiệp...).		Tối đa 6 điểm.	Mức độ 3: trên 24 điểm	
	- Có triển khai các dịch vụ phục vụ giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý (Đăng ký lịch công tác, đăng ký nghỉ phép, xác nhận hồ sơ...).		Tối đa 6 điểm.		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
2.6	- Có triển khai dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu khoa học: (Đăng ký, xét duyệt, phê duyệt đề tài; đăng ký kế hoạch nghiên cứu, sinh hoạt khoa học, hội nghị, hội thảo; quản lý thông tin đề tài nghiên cứu khoa học, lý lịch khoa học, các công bố công trình nghiên cứu khoa học; chuyển giao kết quả nghiên cứu và hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo).	20	Tối đa 5 điểm.		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.		Tối đa 5 điểm.		
	Hạ tầng kỹ thuật CNTT phục vụ quản trị, điều hành: - Triển khai phương án tổng thể đảm bảo tính kế thừa, khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ và liên thông và dùng chung dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong cơ sở giáo dục đại học (Các hệ thống kết nối dữ liệu qua LGSP; dữ liệu tích hợp trong Kho dữ liệu lớn; tài khoản đăng nhập một lần - SSO,...).	20	Tối đa 6 điểm.	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-15 điểm Mức độ 3: trên 15 điểm	Đường link, quy chế/ văn bản, số liệu
	- Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin theo cấp độ.		Tối đa 10 điểm.		
	- Cung cấp truy cập Internet miễn phí cho sinh viên và giảng viên.		Tối đa 4 điểm.		

(Lưu ý: Dữ liệu cung cấp được lấy tại thời điểm của năm học đang triển khai đánh giá).